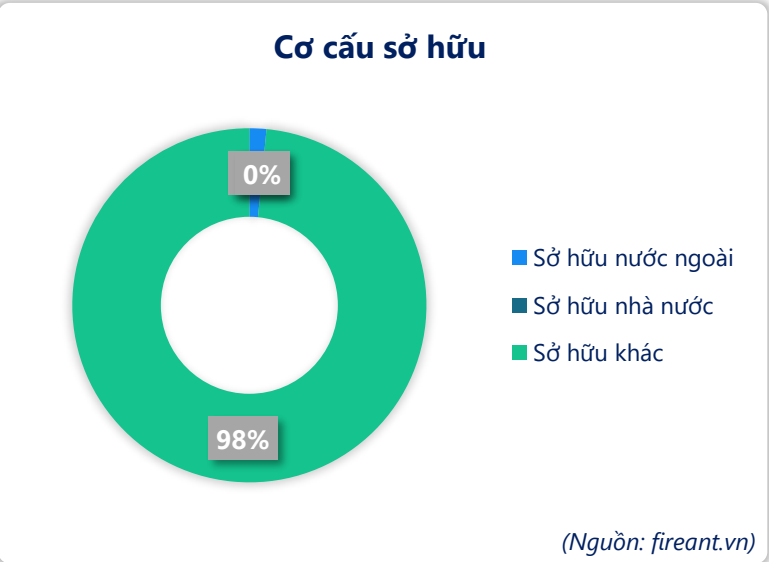
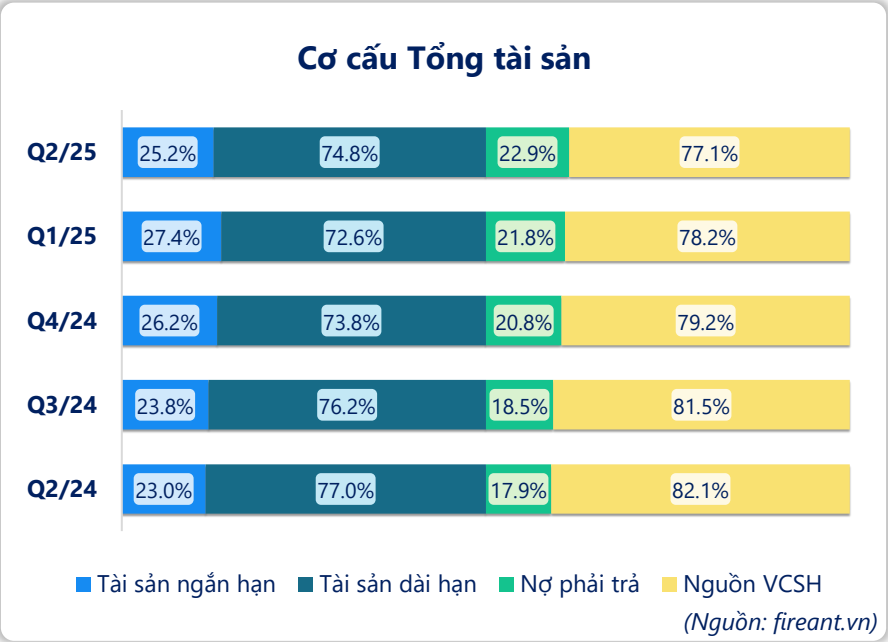
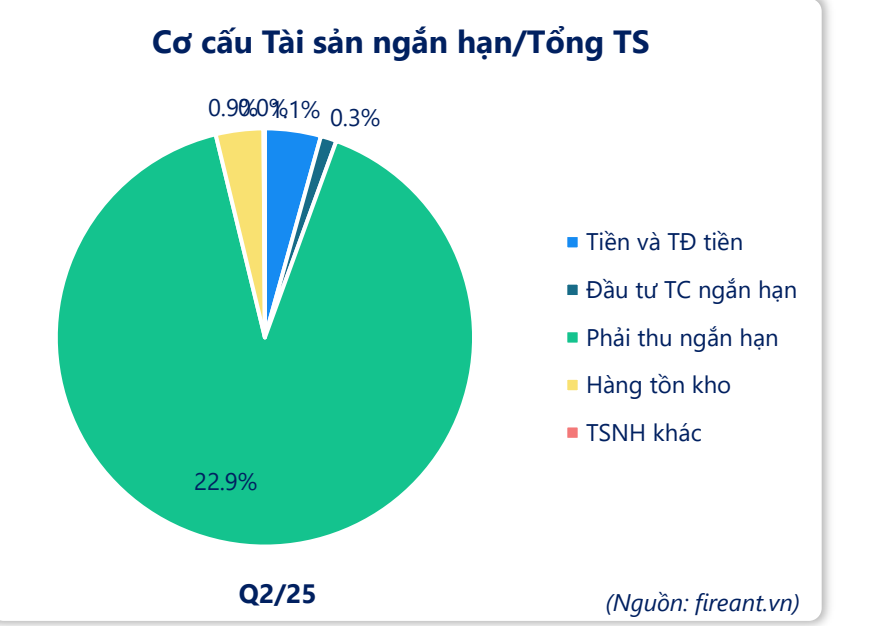
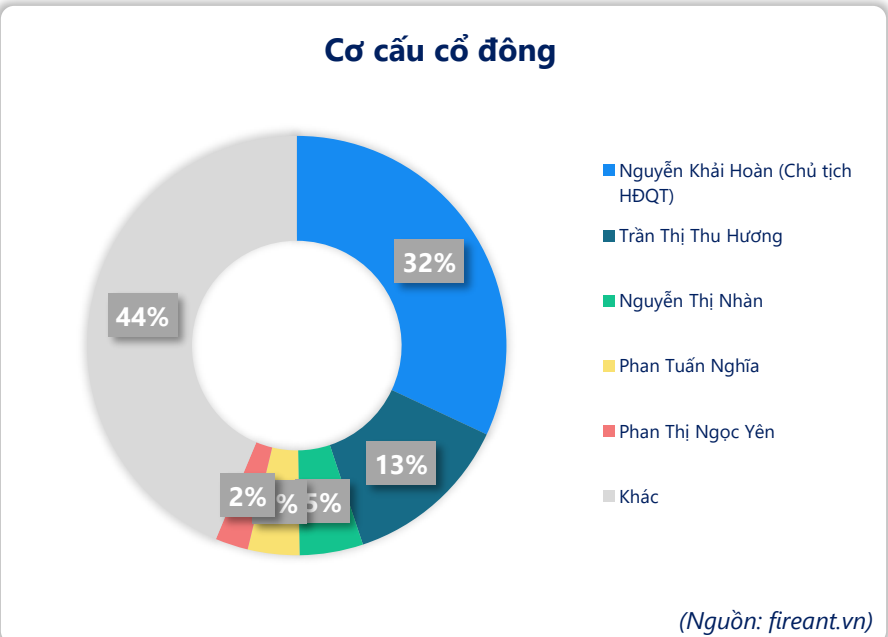
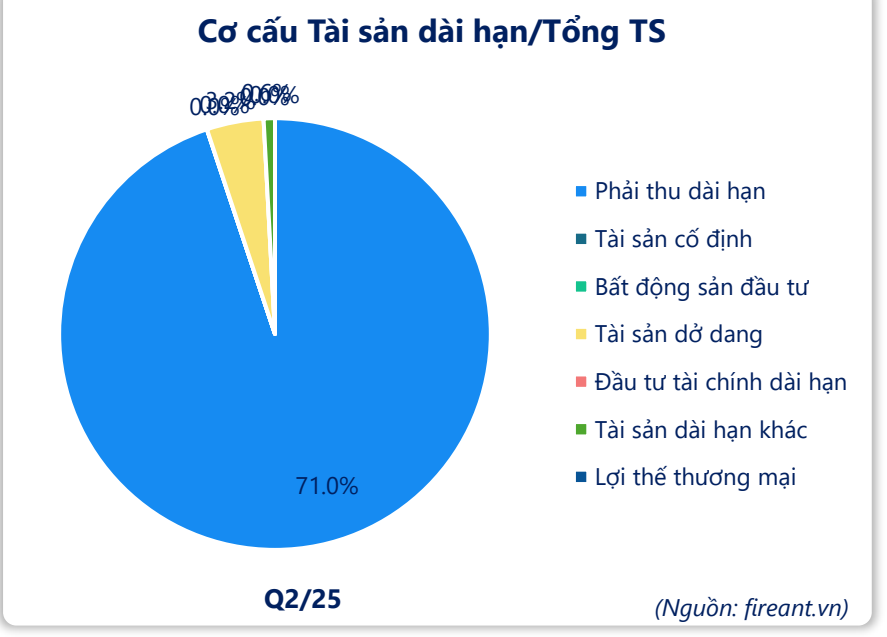
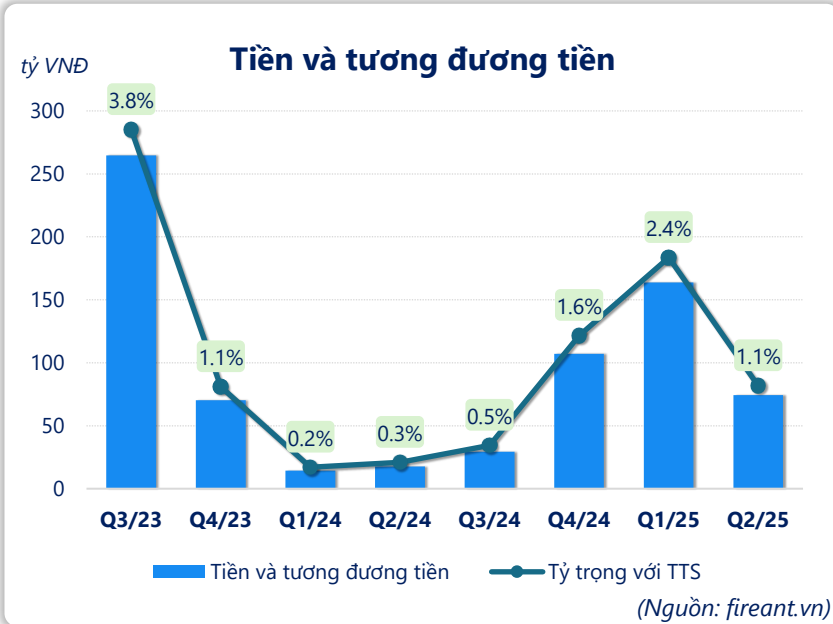
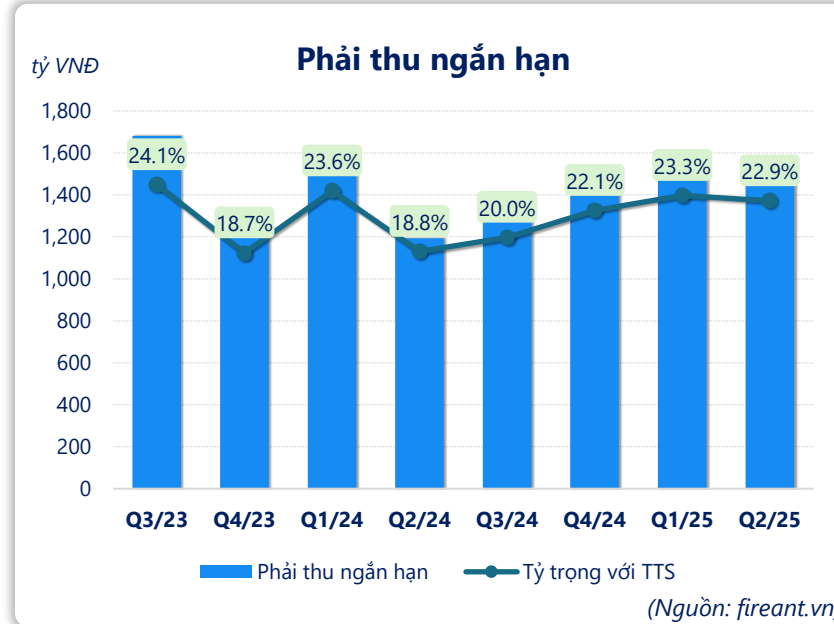
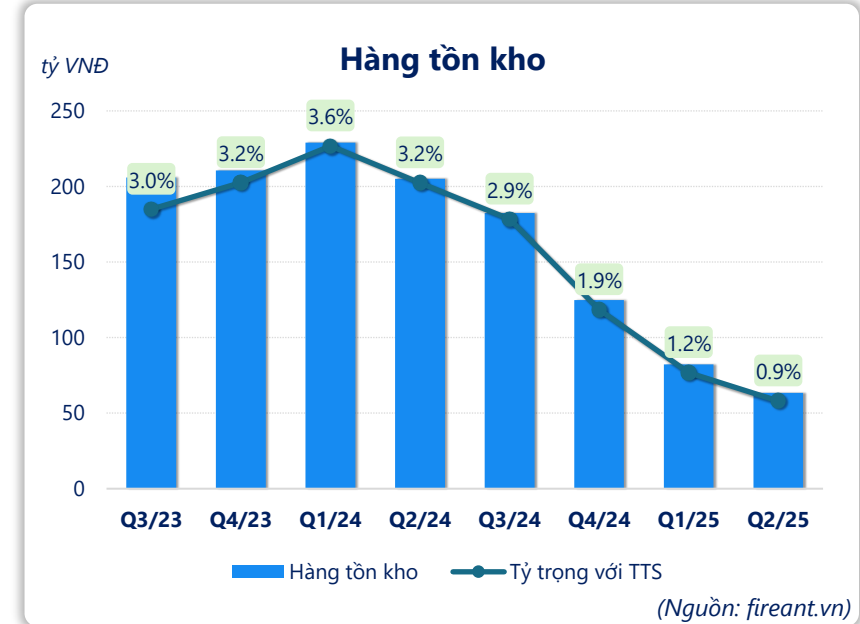
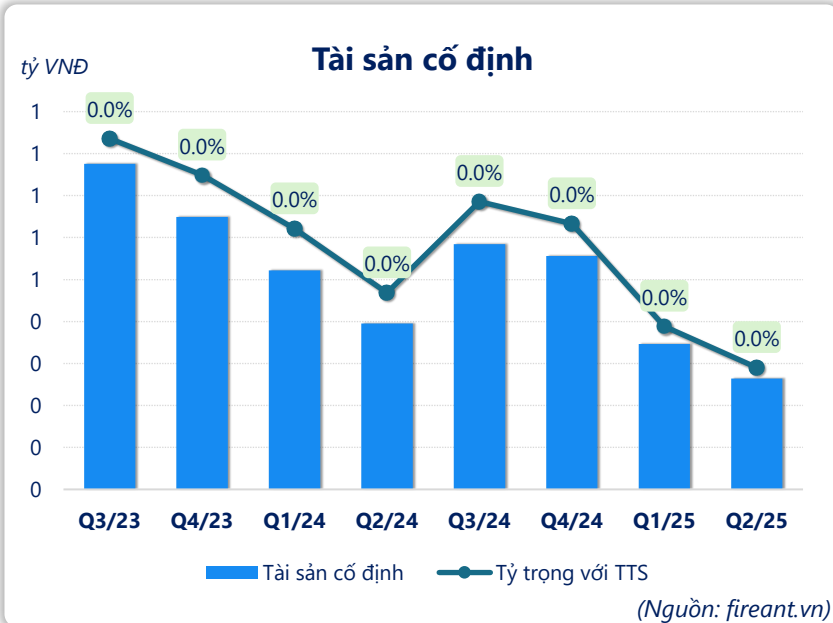
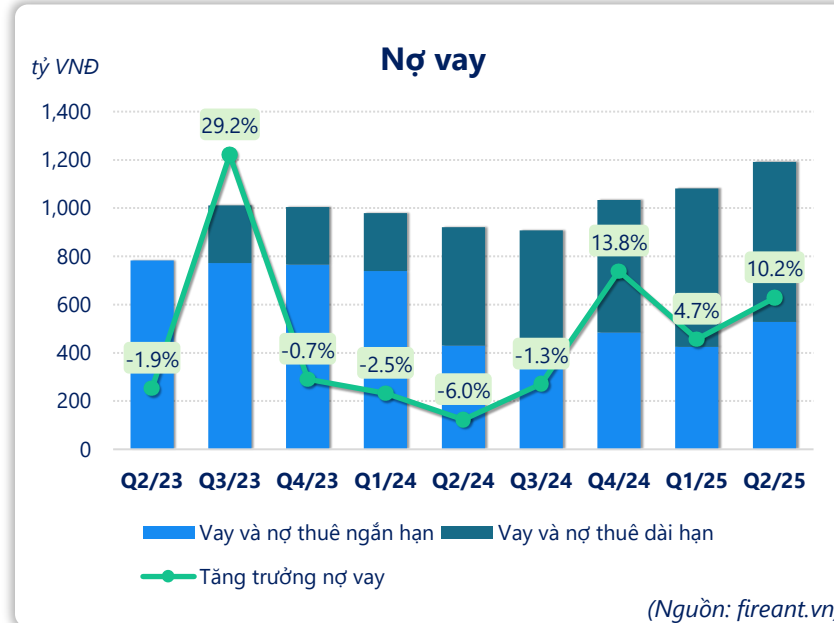
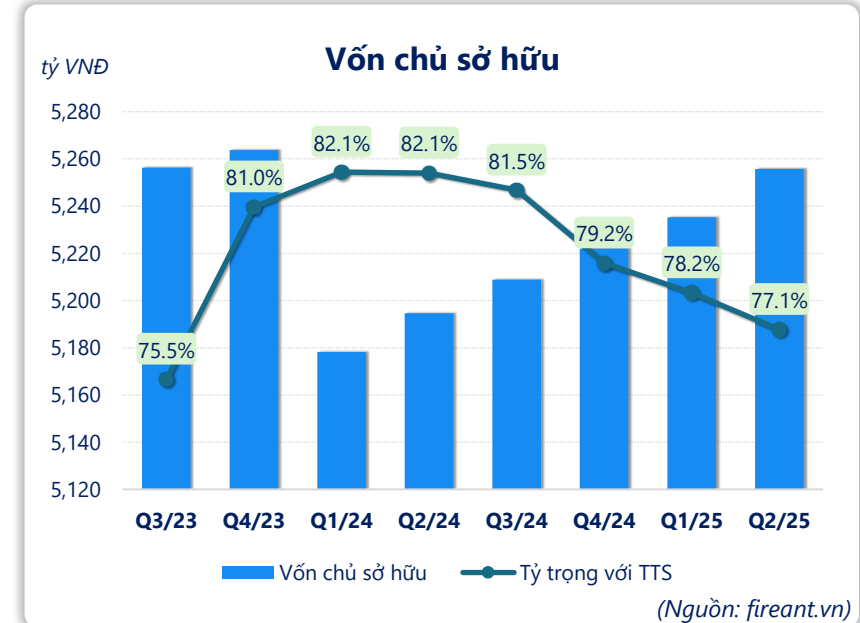
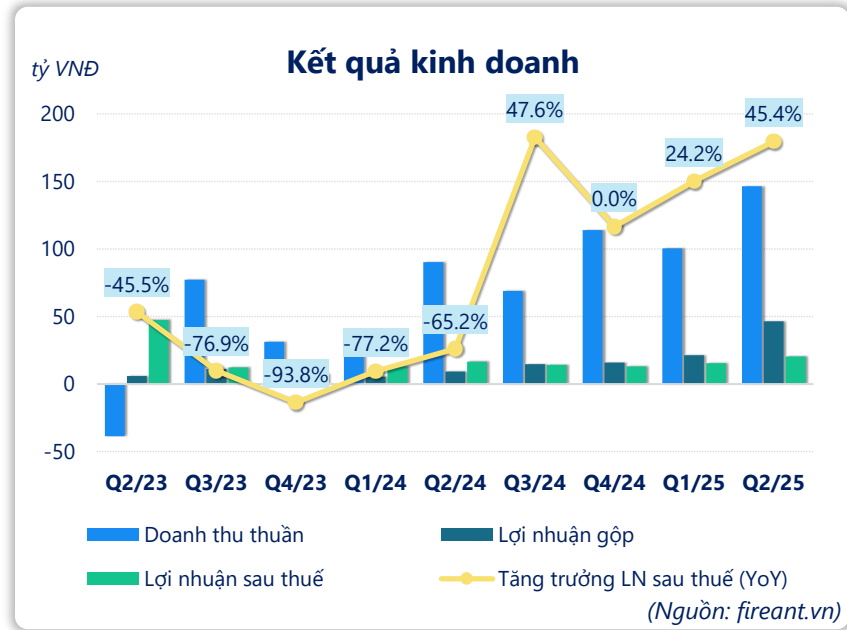
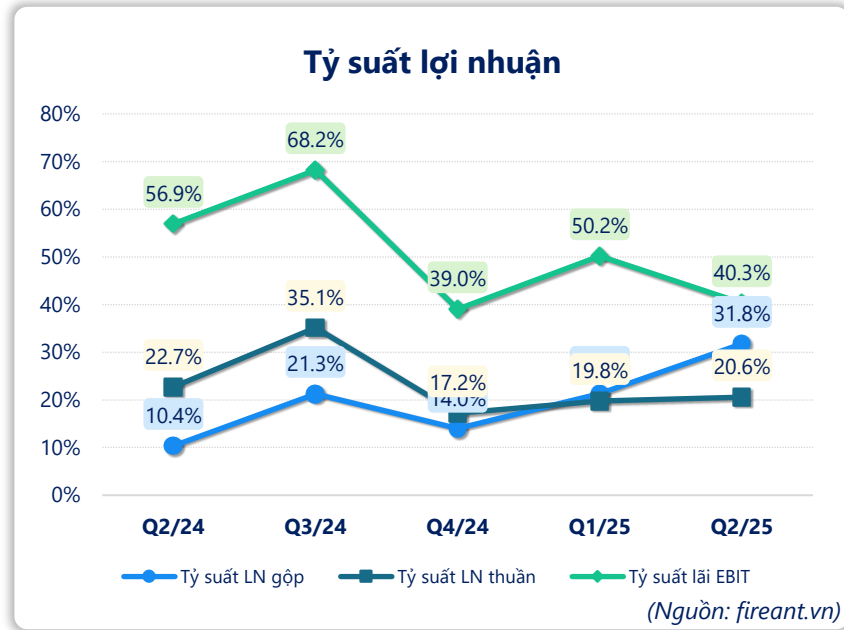
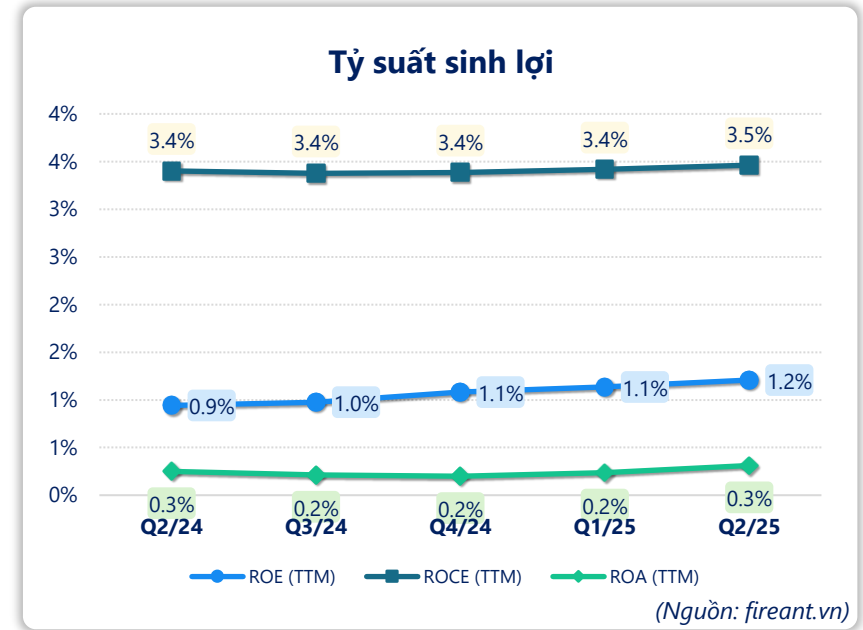
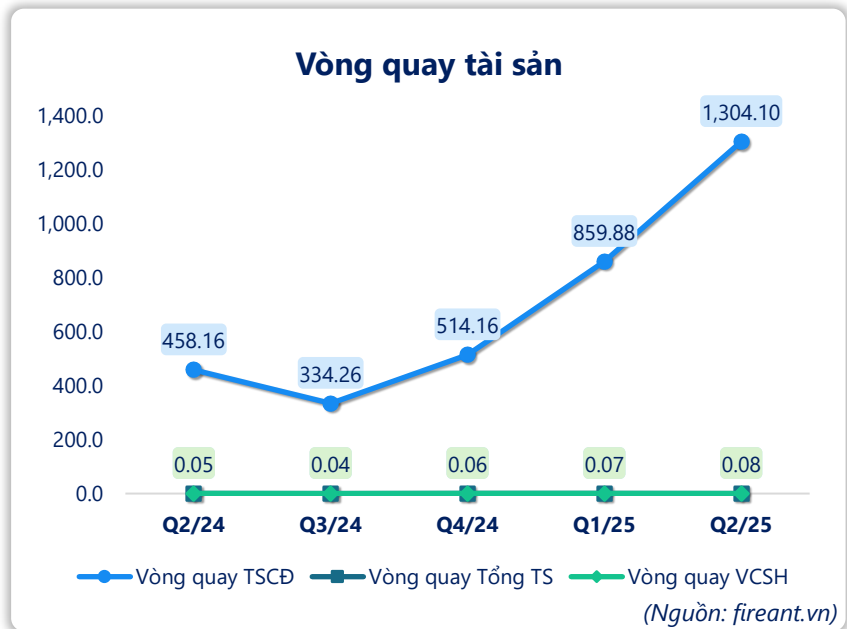
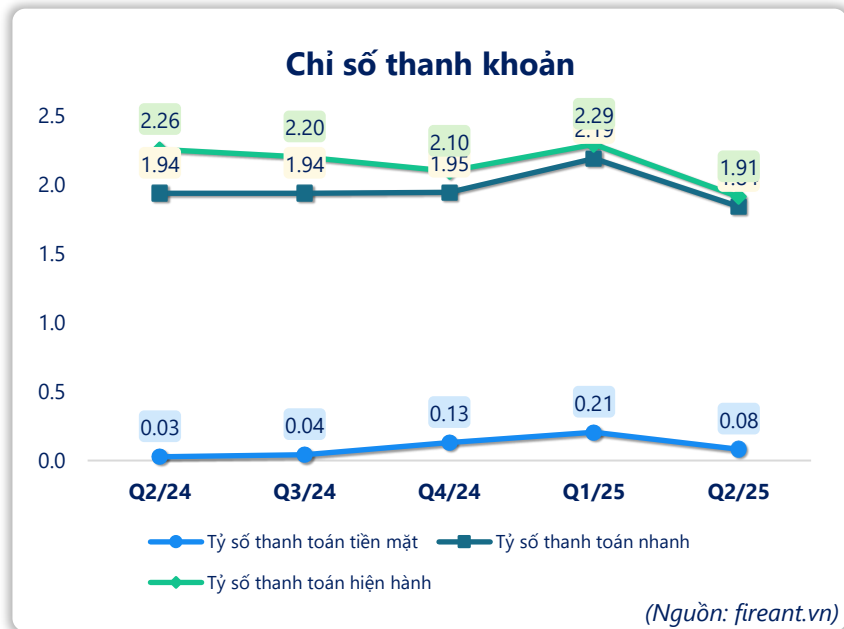
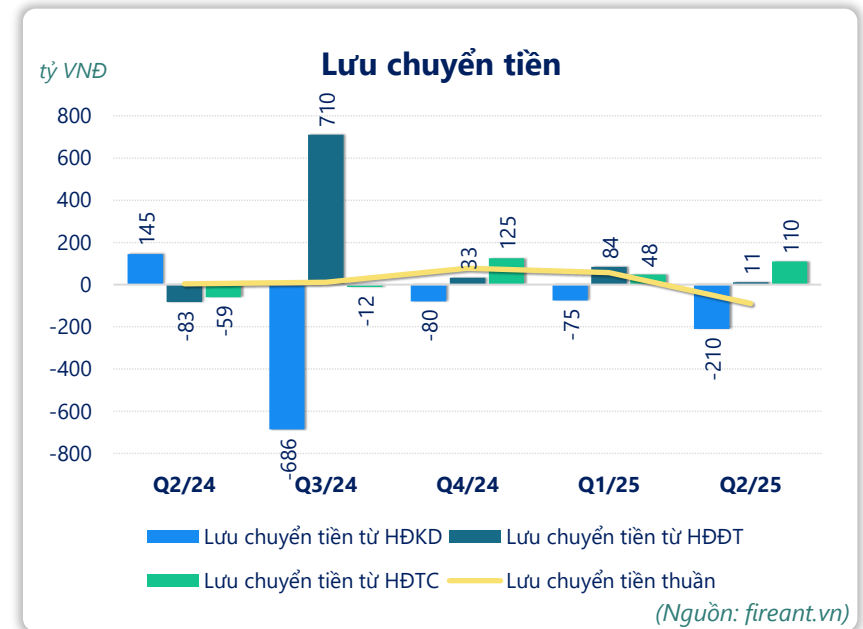


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,590
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,900
SL cổ phiếu LH		449,435,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,301,530
% sở hữu nước ngoài		1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,854
P/E		45.2
EPS		140

	YTD	1T	3T	6T
KHG	14.0%	9.5%	16.1%	13.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,819	6,591	3.5%
Tài sản ngắn hạn	1,719	1,726	-0.4%
Tiền và tương đương tiền	74.3	107	-30.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.1	21.1	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,559	1,457	7.0%
Hàng tồn kho	63.3	125	-49.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.85	16.5	-88.9%
Tài sản dài hạn	5,099	4,865	4.8%
Phải thu dài hạn	4,839	4,602	5.2%
Tài sản cố định	0.26	0.56	-52.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	217	215	1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	43.0	47.5	-9.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,563	1,371	14.0%
Nợ ngắn hạn	899	780	15.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	528	443	19.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.86	22.1	-64.5%
Nợ dài hạn	664	591	12.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	664	590	12.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,256	5,220	0.7%
Vốn chủ sở hữu	5,256	5,220	0.7%
Vốn điều lệ	4,494	4,494	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	90.2	69.0	114	100	146
Giá vốn hàng bán	80.9	54.3	98.0	79.0	99.9
Lợi nhuận gộp	9.34	14.7	15.9	21.4	46.5
Doanh thu HĐTC	65.2	63.8	59.0	59.1	56.7
Chi phí TC	33.1	31.1	33.2	36.6	49.5
Chi phí lãi vay	30.7	28.2	27.5	30.9	32.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.1	14.1	12.9	14.0	13.4
Chi phí QLDN	7.89	9.00	9.14	9.98	10.3
LN thuần từ HĐKD	20.5	24.3	19.6	19.9	30.1
Lợi nhuận khác	0.17	-5.38	-2.64	-0.44	-3.54
LN trước thuế	20.7	18.9	17.0	19.4	26.6
Lợi nhuận sau thuế	16.5	14.2	13.0	15.4	20.5
LNST của CĐ cty mẹ	16.5	14.2	13.0	15.4	20.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	145	-686	-79.9	-75.1	-210
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-82.8	710	32.6	83.7	10.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-59.2	-12.1	125	48.2	110
Tiền đầu kỳ	14.3	17.6	29.4	107	164
Lưu chuyển tiền thuần	3.27	11.7	77.6	56.7	-89.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.6	29.4	107	164	74.3

(Nguồn: fireant.vn)